

Nghệ An, ngày 26 tháng 11 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt danh sách trúng tuyển hệ Đại học từ xa Trường Đại học Nghệ An Đợt 08 năm 2025

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-ĐHNA ngày 30 tháng 05 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nghệ An về việc ban hành Quy định tuyển sinh trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 363/QĐ-ĐHNA ngày 03 tháng 06 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nghệ An về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2025 của Trường Đại học Nghệ An;

Căn cứ Thông báo tuyển sinh Đại học từ xa Đợt 8 số 1740/TB-ĐHNA ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Trường Đại học Nghệ An;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh trường Đại học Nghệ An ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc xét công nhận kết quả trúng tuyển Đại học từ xa Đợt 08 năm 2025;

Xét đề nghị của thư ký Hội đồng tuyển sinh.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Phê duyệt danh sách 44 thí sinh trúng tuyển hệ Đại học từ xa đợt 08 năm 2025 vào trường Đại học Nghệ An (có danh sách kèm theo).

**Điều 2:** Thí sinh trúng tuyển có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên theo quy định trong Quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT và Quy chế của nhà trường.

**Điều 3:** Các Ông (Bà) Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Công tác chính trị và HSSV, Trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh trúng tuyển có tên trong danh sách căn cứ Quyết định thi hành. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. /.

#### Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (B/cáo);
- Như điều 3 (Để thực hiện);
- Lưu TTTS, QLĐT, CTCT và HSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
P. HIỆU TRƯỞNG  


TS. Trương Quang Ngân  
( PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH)

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ ĐẠI HỌC TỪ XA ĐỢT 8 NĂM 2025**

(Hệ đã tốt nghiệp bậc THPT)

(Kèm theo Quyết định trúng tuyển số 1978 /QĐ - ĐHNA ngày 26 tháng 11 năm 2025)

| TT | Mã XT   | Họ và Tên            | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Tên ngành XT        | Chương trình đào tạo | PTXT | Mã TH | ĐTT   |
|----|---------|----------------------|------------|-----------|---------|---------------------|----------------------|------|-------|-------|
| 1  | THPT240 | Phan Thị Thanh Huyền | 07/08/2000 | Nữ        | Kinh    | Kế toán             | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 21.53 |
| 2  | THPT241 | Nguyễn Văn Chắt      | 05/10/1996 | Nam       | Kinh    | Kế toán             | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 20.25 |
| 3  | THPT242 | Lưu Thị Hằng         | 06/11/1997 | Nữ        | Kinh    | Kế toán             | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 25.50 |
| 4  | THPT243 | Lê Thị Hà Thương     | 26/09/1999 | Nữ        | Kinh    | Kế toán             | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 24.00 |
| 5  | THPT244 | Bạch Thị Mỹ Linh     | 17/09/2003 | Nữ        | Kinh    | Kế toán             | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 21.98 |
| 6  | THPT245 | Phan Thị Thành       | 14/07/2005 | Nữ        | Kinh    | Kế toán             | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 25.88 |
| 7  | THPT246 | Nguyễn Thị Sen       | 15/11/1988 | Nữ        | Kinh    | Kế toán             | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 20.03 |
| 8  | THPT247 | Đặng Hồng Tiến       | 23/03/2006 | Nam       | Kinh    | Kế toán             | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 25.28 |
| 9  | THPT248 | Nguyễn Hồng Quân     | 20/11/2000 | Nam       | Kinh    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 24.60 |
| 10 | THPT249 | Nguyễn Thị Hải Anh   | 14/10/2007 | Nữ        | Kinh    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 23.70 |
| 11 | THPT250 | Đoàn Anh Vũ          | 19/09/2004 | Nam       | Kinh    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 23.10 |
| 12 | THPT251 | Nguyễn Cảnh Vinh     | 13/10/1990 | Nam       | Kinh    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 18.45 |
| 13 | THPT252 | Lê Thị Phương        | 15/05/1988 | Nữ        | Kinh    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 24.30 |
| 14 | THPT253 | Mai Tuấn Kiệt        | 05/01/2007 | Nam       | Kinh    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 27.34 |
| 15 | THPT254 | Nguyễn Xuân Thạch    | 15/09/1995 | Nam       | Kinh    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 22.58 |
| 16 | THPT255 | Hà Văn Dũng          | 11/09/2002 | Nam       | Kinh    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 19.88 |
| 17 | THPT256 | Trần Thị Thơm        | 15/02/2004 | Nữ        | Kinh    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 21.90 |



| TT | Mã XT   | Họ và Tên           | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Tên ngành XT        | Chương trình đào tạo | PTXT | Mã TH | ĐTT   |
|----|---------|---------------------|------------|-----------|---------|---------------------|----------------------|------|-------|-------|
| 18 | THPT257 | Đinh Thị Hoài An    | 07/02/2005 | Nữ        | Kinh    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 23.55 |
| 19 | THPT258 | Võ Thị Phương Ly    | 13/05/2004 | Nữ        | Kinh    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 21.83 |
| 20 | THPT259 | Doãn Văn Lập        | 17/03/1985 | Nam       | Kinh    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 15.68 |
| 21 | THPT260 | Võ Trọng Ý          | 16/06/1997 | Nam       | Kinh    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 18.23 |
| 22 | THPT261 | Cao Văn Tuyên       | 15/04/1985 | Nam       | Kinh    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 15.38 |
| 23 | THPT263 | Lê Thị Doan         | 09/08/1983 | Nữ        | Thổ     | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 24.13 |
| 24 | THPT264 | Lê Thị Hoài         | 12/02/2001 | Nữ        | Kinh    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 20.85 |
| 25 | THPT265 | Đinh Thị Hà My      | 31/01/1995 | Nữ        | Thanh   | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 23.45 |
| 26 | THPT266 | Bùi Thiên Quốc      | 02/11/2003 | Nam       | Kinh    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 23.10 |
| 27 | THPT267 | Nguyễn Thị Mai Linh | 22/04/2007 | Nữ        | Kinh    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | D01   | 24.57 |
| 28 | THPT268 | Lô Thanh Tuấn       | 19/11/1996 | Nam       | Thái    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 20.75 |
| 29 | THPT269 | Hoàng Nghĩa Sơn     | 06/07/1995 | Nam       | Kinh    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 19.05 |
| 30 | THPT270 | Trương Việt Thắng   | 05/01/2003 | Nam       | Kinh    | Quản trị kinh doanh | THPT - Đại học       | 200  | A00   | 14.85 |

KT HIỆU TRƯỞNG 

P. HIỆU TRƯỞNG



TS. Trương Quang Ngân

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ ĐẠI HỌC TỪ XA ĐỢT 8 NĂM 2025

(Hệ đã tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng, Đại học)

(Kèm theo Quyết định trúng tuyển số 1978 /QĐ - ĐHNA ngày 26 tháng 11 năm 2025)

| TT | Mã XT   | Họ và Tên            | Ngày sinh  | Giới tính | Tên ngành           | Chương trình đào tạo | PTXT | XHTN | Điểm quy đổi |
|----|---------|----------------------|------------|-----------|---------------------|----------------------|------|------|--------------|
| 1  | LTTX187 | Nguyễn Thị Thương    | 10/08/1993 | Nữ        | Kế toán             | Trung cấp - Đại học  | 500  | Khá  | 8.0          |
| 2  | LTTX188 | Nguyễn Thị Nga       | 22/11/1992 | Nữ        | Kế toán             | Cao đẳng - Đại học   | 500  | TBK  | 7.0          |
| 3  | LTTX189 | Nguyễn Thị Hạnh      | 23/12/1987 | Nữ        | Kế toán             | Cao đẳng - Đại học   | 500  | TBK  | 7.0          |
| 4  | LTTX190 | Nguyễn Thị Phương    | 20/08/1995 | Nữ        | Kế toán             | Đại học - Đại học    | 500  | Khá  | 8.0          |
| 5  | LTTX191 | Trần Chí Cường       | 17/03/1987 | Nam       | Kế toán             | Đại học - Đại học    | 500  | TBK  | 7.0          |
| 6  | LTTX192 | Lê Thị Huyền         | 20/04/1997 | Nữ        | Kế toán             | Đại học - Đại học    | 500  | Giỏi | 9.0          |
| 7  | LTTX193 | Mai Dung             | 12/04/1991 | Nữ        | Kế toán             | Đại học - Đại học    | 500  | Khá  | 8.0          |
| 8  | LTTX194 | Nguyễn Duy Đại       | 12/01/1985 | Nam       | Kế toán             | Đại học - Đại học    | 500  | Khá  | 8.0          |
| 9  | LTTX195 | Nguyễn Thị Diệu Ly   | 01/07/1998 | Nữ        | Kế toán             | Đại học - Đại học    | 500  | Khá  | 8.0          |
| 10 | LTTX196 | Nguyễn Thị Thủy Ngọc | 30/05/1995 | Nữ        | Kế toán             | Đại học - Đại học    | 500  | TBK  | 7.0          |
| 11 | LTTX197 | Đinh Văn Anh         | 02/07/2000 | Nam       | Quản trị kinh doanh | Trung cấp - Đại học  | 500  | TBK  | 7.0          |
| 12 | LTTX198 | Hoàng Ngọc Thành     | 04/02/1993 | Nam       | Quản trị kinh doanh | Cao đẳng - Đại học   | 500  | TB   | 6.0          |

28

| TT | Mã XT   | Họ và Tên         | Ngày sinh  | Giới tính | Tên ngành           | Chương trình đào tạo | PTXT | XHTN | Điểm quy đổi |
|----|---------|-------------------|------------|-----------|---------------------|----------------------|------|------|--------------|
| 13 | LTTX199 | Cù Thị Tuyết Mai  | 27/05/2002 | Nữ        | Quản trị kinh doanh | Đại học - Đại học    | 500  | Khá  | 8.0          |
| 14 | LTTX200 | Nguyễn Huyền Toàn | 15/05/1992 | Nam       | Quản trị kinh doanh | Đại học - Đại học    | 500  | TB   | 6.0          |

đ

KT HIỆU TRƯỞNG

P.HIỆU TRƯỞNG



TS. Trương Quang Ngân

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

